

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **519/2026/DSST**

Ngày: **23/09/2026**

*V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tự Hiếu

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thắm và bà Lê Thị Thu Hạnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên - Cán bộ
Toà án nhân dân khu vực 11- Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thúy Hằng- Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 09 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội
mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 56/2025/TLST- DS ngày
17/07/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 458/2026/QĐXX-ST ngày
26/08/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 452/2026/QĐ- HPT ngày 15/09/2026,
giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Vũ Thị M**, sinh năm 1984

Trú tại : Tập thể Z, xã T, thành phố Hà Nội

(Chị M có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH S

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Trần Hồng Mạnh, ông Phạm Hoàng Hải,
ông Nguyễn Khắc Long và bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

(Ông Mạnh, bà Thảo có mặt, ông Hải và ông Long vắng mặt)

*** Bị đơn: Anh Phạm Văn T**, sinh năm 1992

Trú tại : Số X ngõ Y, thôn C, xã T, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội nay là xã T, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH T

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc Quý, sinh năm 1993

(Ông Quý có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Do có quan hệ quen biết nên chị M có cho anh T vay tiền làm nhiều lần bằng tiền mặt và chuyển khoản. Những lần đưa tiền mặt cho anh T hai bên không ký giấy tờ gì vì là chỗ quan hệ quen biết. Tuy nhiên việc vay mượn không liên quan đến hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 01/10/2020.

Ngày 01/10/2020 tại địa chỉ TT Z179 - Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội chị M và anh T đã ký kết hợp đồng cho cá nhân vay tiền. Theo đó, chị M cho anh T vay số tiền là 933.000.000 VNĐ, lãi suất vay theo thỏa thuận của các bên tại thời điểm cho vay là 3%/tháng (được trả vào ngày cuối cùng của tháng), thời hạn vay là 01 năm từ ngày 01/10/2020 đến ngày 01/10/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng do anh T không trả được tiền do vậy tháng 8/2025, chị M có yêu cầu Công ty CP xây dựng hạ tầng 379 là công ty mà anh T làm việc phải trả tiền công của anh T cho chị M để đối trừ vào tiền mà anh T nợ chị M. Do vậy chị M, anh T, Công ty 379 đã lập biên bản thỏa thuận ba bên (biên bản đề ngày 20/01/2023 cho khớp với hồ sơ của công ty 379). Theo biên bản này, Công ty 379 phải thanh toán cho anh T số tiền 262.824.306 đồng nhưng chị M có quyền thay mặt anh T trực tiếp nhận số tiền trên. Chị M đồng ý khấu trừ số tiền này vào số tiền nợ của anh T.

Chị Nga chuyển khoản cho chị M số tiền 126.000.000 đồng (chuyển khoản 19 lần từ tháng 6/2022 đến tháng 5/2023), chị M đã nhận được số tiền này. Tại buổi đối chất trước đây chị M đồng ý trừ vào số tiền nợ của anh T nhưng nay chị M thay đổi ý kiến không đồng ý khấu trừ vào khoản nợ của anh T. Anh T cho rằng đây là tiền chị Nga thay anh T trả nợ cho chị M đề nghị anh T chứng minh tài liệu về việc này.

Đối với việc anh T trình bày đã chuyển khoản cho chị M khoảng 487.050.888 đồng, chị M đã nhận được số tiền chuyển khoản này nhưng chị M xác nhận đây là tiền anh T trả cho những khoản vay riêng của chị M (trước đó chị M đã đưa anh T

cả tiền mặt nhưng hai bên không lập biên bản và cả tiền chuyển khoản) không phải tiền trả cho hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 01/10/2020.

Chị M xác định anh T còn nợ số tiền nợ gốc là: 933.000.000 đồng- 262.824.306 đồng (theo biên thỏa thuận ba bên đề ngày 20/01/2023 giữa anh T, chị M và công ty 379) = 670.175.694 đồng (thời điểm ngày 20/01/2023).

Nay chị M khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc anh T phải trả chị M số tiền nợ gốc là 670.175.694 đồng.

Anh T phải thanh toán tiền lãi trong hạn của số tiền nợ gốc 933.000.000 đồng x lãi suất 20%/năm x 365 ngày (từ ngày 01/10/2020 đến 01/10/2021) = 186.600.000 đồng.

Lãi chậm trả lãi: 186.600.000 đồng x 10%/năm (theo quy định của pháp luật) x 1789 ngày (từ ngày 02/10/2021 đến ngày 26/8/2026) = 92.701.666 đồng

Lãi quá hạn trên nợ gốc:

+ 933.000.000 đồng x 10%/năm (theo quy định của pháp luật) x 474 ngày (từ ngày 02/10/2021 đến ngày 19/01/2023) = 122.845.000 đồng

+ 670.175.694 đồng x 10%/năm (theo quy định của pháp luật) x 1314 ngày (từ ngày 20/01/2023 đến 26/8/2026) = 244.556.303 đồng.

Tổng số tiền anh T nợ chị M là 1.317.878.663 đồng. Chị M yêu cầu anh T thanh toán toàn bộ số tiền nợ nêu trên.

*** Bị đơn là anh Phạm Văn T do ông Quý là người đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Chị M đã nhiều lần chuyển khoản tiền cho anh T vay và đưa tiền mặt, tổng cộng khoảng 250.000.000 đồng. Khi vay không viết giấy tờ vay tiền. Hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi ngày cho chị M (cứ 1.000.000 đồng phải trả cho chị M 1.000 đồng. Cuối tháng sẽ cộng số tiền nợ gốc và số tiền nợ lãi anh T chưa trả để chị M tiếp tục tính lãi trên số tiền nợ gốc và lãi chưa trả đó).

Trước đó anh T và chị M có quan hệ tình cảm với nhau, chị M có đe dọa sẽ gửi hình ảnh của anh T và chị M cho gia đình nên anh T đã ký vào hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 01/10/2020 với số tiền là 933.000.000 đồng. Anh T xác nhận chữ ký, chữ viết là của anh T nhưng thực tế anh T không vay số tiền 933.000.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 01/10/2020, anh T đã nhiều lần thanh toán tiền cho chị M (chuyển khoản trực tiếp hoặc thông qua chị Hoàng Thị Nga- kế toán công ty anh T đang làm việc) theo các sao kê cung cấp cho Tòa án số tiền anh T

chuyển khoản cho chị M thông qua chị Nga là 126.000.000 đồng; tính đến ngày 22/04/2023 bản thân anh T còn chuyển thêm tiền cho chị M 487.050.888 đồng.

Công ty CP xây dựng hạ tầng 379 có thuê anh T thực hiện dự án tại Hưng Yên, anh T có thầu nhân công để thực hiện dự án này. Anh T được công ty trả công số tiền là 262.824.306 đồng, nhưng theo yêu cầu của chị M, công ty 379 sẽ chuyển thẳng số tiền này cho chị M để trừ vào số tiền anh T nợ chị M. Do vậy tháng 7/2025, anh T, chị M và công ty 379 đã ký biên bản thỏa thuận ba bên (biên bản đề ngày 20/01/2023 cho khớp với hồ sơ của công ty 379). Theo biên bản công ty 379 phải thanh toán cho anh T số tiền 262.824.306 đồng, nhưng chị M có quyền thay mặt anh T trực tiếp nhận số tiền trên. Số tiền này sẽ được khấu trừ vào phần công nợ giữa anh T và chị M. Sau khi ký biên bản này, thực tế công ty 379 đã trả cho chị M số tiền 262.824.306 đồng hay chưa anh T không nắm được vì đó là việc giữa chị M và công ty 379.

Như vậy anh T xác nhận đã trả cho chị M 866.875.194 triệu đồng.

Đổi trừ đi số tiền 933.000.000 đồng trong hợp đồng cho cá nhân vay tiền giữa anh T và chị M thì anh T chỉ nợ chị M khoảng 66.124.806 đồng (dù thực tế anh T không nợ số tiền này).

Ngoài ra năm 2024 và 2025 anh T còn tiếp tục chuyển khoản cho chị M khoảng 100.000.000 đồng nhưng anh T không có tài liệu gì chứng minh.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T không đồng ý. Anh T chỉ đồng ý trả cho chị M số tiền 66.124.806 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ 01/10/2020 đến 22/4/2023.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và nhất trí với ý kiến của đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định anh T còn nợ chị M các khoản tạm tính đến ngày 23/09/2026, gồm: Số tiền nợ gốc là 158.013.694 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 148.066.667 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 73.708.803 đồng; Nợ lãi quá hạn: 390.212.827 đồng. Tổng cộng là 770.001.991 đồng

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định anh T còn nợ chị M các khoản tạm tính đến ngày 23/09/2026, gồm: Số tiền nợ gốc là 158.013.694 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 148.066.667 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 73.708.803 đồng; Nợ lãi quá hạn: 390.212.827 đồng. Tổng cộng là 770.001.991 đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hà Nội phát biểu ý kiến:

+ Về thời hiệu, thẩm quyền và tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án theo đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của

Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán đã xác định đúng và đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn. Về thu thập tài liệu chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 97, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của chị Vũ Thị M đối với anh Phạm Văn T

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, xác định anh T còn nợ Mai theo Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 01/10/2020, số tiền tạm tính đến ngày 23/09/2025 các khoản gồm: Nợ gốc: 158.013.694 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 148.066.667 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 73.708.803 đồng; Nợ lãi quá hạn: 390.212.827 đồng. Tổng cộng là 770.001.991 đồng

Buộc anh Phạm Văn T tiếp tục phải trả lãi đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản vay.

Anh Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 17/07/2025, chị Vũ Thị M làm đơn khởi kiện về việc: “Tranh chấp Hợp đồng vay tiền sản” đối với anh Phạm Văn T có địa chỉ nơi cư trú tại Số X ngõ Y, thôn C, xã T, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội nay là xã T, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị M đối với anh Phạm Văn T về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”. Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với khoản nợ gốc:

Ngày 01/10/2020, chị Vũ Thị M và anh Phạm Văn T có ký kết Hợp đồng cho cá nhân vay tiền, theo đó chị M cho anh T vay số tiền 933.000.000 đồng, với mục đích để trả tiền lương cho nhân viên Công ty CP xây dựng DIANCONS, lãi suất cho vay theo

thỏa thuận của các bên tại thời điểm cho vay là 3%/tháng, được trừ vào ngày cuối cùng của tháng và với thời hạn 01 năm từ ngày 01/10/2020 đến ngày 01/10/2021.

Tại phiên tòa, các bên đương sự đều thống nhất, xác định anh T đã trả cho chị M các khoản gồm: Số tiền 262.824.306 đồng vào ngày 20/01/2023, số tiền 386.162.000 đồng ngày 22/04/2023, số tiền 126.000.000 đồng vào ngày 10/05/2023. Tổng cộng là 774.986.306 đồng. Do đó anh T còn nợ chị M số tiền nợ gốc là 158.013.694 đồng.

- Xét yêu cầu tính lãi của chị M, nhận thấy đây là quan hệ dân sự vay tài sản có kỳ hạn và có thỏa thuận tính lãi suất cho vay. Tại Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 01/10/2020, hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 3%/tháng. Lãi suất cho vay 3%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận, tại Tòa án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị M chỉ yêu cầu anh T phải trả lãi suất là 20%/năm tương đương 1,667%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Căn cứ khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay: Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn trả nợ bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi cụ thể như sau:

a). Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật này

b). Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất cho vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự 2015:

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn vay chưa trả lãi trên nợ gốc tại thời điểm xác lập hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ:

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc).

b) Trường hợp chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn thì còn phải trả lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = (nợ lãi chưa trả) x (lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả tiền lãi trên gốc);

c) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc 150% lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận) x (thời gian chậm trả nợ gốc)

Do đó anh T phải trả tiền lãi cho chị M, cụ thể như sau:

- Lãi trong hạn:

+ Từ ngày 01/10/2020 đến ngày 31/10/2020: Ngày 05/10/2020, anh T đã thanh toán cho chị M số tiền 15.000.000 đồng nên số tiền gốc còn lại là 918.000.000 đồng do đó số tiền lãi là $(918.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm}) : 12 = 15.300.000 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 1/11/2020 đến ngày 31/11/2020: Anh T đã thanh toán cho chị M tổng số tiền 66.800.000 đồng (từ ngày 11/11/2020 đến ngày 26/11/2020) nên số tiền gốc còn lại là 851.200.000 đồng do đó số tiền lãi là $(851.200.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm}) : 12 = 14.186.667 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 1/12/2020 đến ngày 31/12/2020: Anh T đã thanh toán cho chị M tổng số tiền 25.500.000 đồng (từ ngày 11/11/2020 đến ngày 26/11/2020) nên số tiền gốc còn lại là 825.700.000 đồng do đó số tiền lãi là $(825.700.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm}) : 12 = 13.761.667 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/01/2021: Anh T đã thanh toán cho chị M tổng số tiền 11.800.000 đồng (từ ngày 04/01/2021 đến ngày 16/01/2021) nên số tiền gốc còn lại là 813.900.000 đồng do đó số tiền lãi là $(813.900.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm}) : 12 = 13.565.000 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/02/2021 đến ngày 28/02/2021: Anh T đã thanh toán cho chị M tổng số tiền 30.000.000 đồng (từ ngày 03/02/2021 đến ngày 27/02/2021) nên số tiền gốc

còn lại là 783.900.000 đồng do đó số tiền lãi là $(783.900.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm) : 12 = 13.065.000 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/03/2021 đến ngày 31/03/2021: Anh T đã thanh toán cho chị M tổng số tiền 62.000.000 đồng (từ ngày 01/03/2021 đến ngày 27/03/2021) nên số tiền gốc còn lại là 721.900.000 đồng do đó số tiền lãi là $(721.900.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm) : 12 = 12.031.667 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/04/2021: Anh T đã thanh toán cho chị M tổng số tiền 17.000.000 đồng (từ ngày 05/04/2021 đến ngày 26/04/2021) nên số tiền gốc còn lại là 704.900.000 đồng do đó số tiền lãi là $(704.900.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm) : 12 = 11.748.333 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/05/2021 đến ngày 31/05/2021: Anh T đã thanh toán cho chị M tổng số tiền 9.000.000 đồng (từ ngày 04/05/2021 đến ngày 15/05/2021) nên số tiền gốc còn lại là 695.900.000 đồng do đó số tiền lãi là $(695.900.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm) : 12 = 11.598.333 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/06/2021 đến ngày 30/06/2021: Anh T đã thanh toán cho chị M tổng số tiền 42.500.000 đồng (từ ngày 01/06/2021 đến ngày 14/06/2021) nên số tiền gốc còn lại là 653.400.000 đồng do đó số tiền lãi là $(653.400.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm) : 12 = 10.890.000 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/07/2021: Anh T đã thanh toán cho chị M số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 17/07/2021 nên số tiền gốc còn lại là 638.400.000 đồng do đó số tiền lãi là $(638.400.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm) : 12 = 10.640.000 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/08/2021 đến ngày 31/08/2021: Anh T không thanh toán cho chị M nên số tiền gốc còn lại là 638.400.000 đồng do đó số tiền lãi là $(638.400.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm) : 12 = 10.640.000 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/09/2021 đến ngày 30/09/2021: Anh T không thanh toán cho chị M nên số tiền gốc còn lại là 638.400.000 đồng do đó số tiền lãi là $(638.400.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm) : 12 = 10.640.000 \text{ đồng}$

Tổng cộng số tiền lãi trong hạn là **148.066.667 đồng**

- Lãi chậm trả lãi: $148.066.667 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 1.817 \text{ ngày (từ ngày 02/10/2021 đến ngày 23/09/2026)} = 73.708.803 \text{ đồng}$

Lãi quá hạn :

- Lãi quá hạn kể từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/05/2023, cụ thể như sau :

+ Từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/10/2021: Số tiền nợ gốc anh T chưa trả là 638.400.000 đồng do đó số tiền lãi là $(638.400.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 150\%) : 12 = 15.960.000 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 1/11/2021 đến ngày 31/11/2021: Số tiền nợ gốc anh T chưa trả là 638.400.000 đồng do đó số tiền lãi là $(638.400.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) : 12 = 15.960.000 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 1/12/2020 đến ngày 31/12/2020: Anh T đã thanh toán cho chị M tổng số tiền 22.000.000 đồng (từ ngày 13/12/2021 đến ngày 29/12/2021) nên số tiền gốc còn lại là 616.400.000 đồng do đó số tiền lãi là $(616.400.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) : 12 = 15.410.000 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/01/2021: Anh T đã thanh toán cho chị M số tiền 5.000.000 đồng (ngày 25/01/2022) nên số tiền gốc còn lại là 611.400.000 đồng do đó số tiền lãi là $(611.400.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) : 12 = 15.285.000 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 28/02/2022: Anh T không thanh toán cho chị M do đó số tiền lãi là $(611.400.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) : 12 = 15.285.000 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/03/2022 đến ngày 31/03/2022: Anh T đã thanh toán cho chị M tổng số tiền 14.000.000 đồng vào ngày 26/03/2022 nên số tiền gốc còn lại là 599.388.000 đồng do đó số tiền lãi là $(599.388.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) : 12 = 14.984.700 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/04/2022: Anh T đã thanh toán cho chị M số tiền 3.000.000 đồng (ngày 04/04/2021 đến ngày 08/04/2021) nên số tiền gốc còn lại là 596.388.000 đồng do đó số tiền lãi là $(596.388.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) : 12 = 14.909.700 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/05/2022 đến ngày 31/05/2022: Anh T đã thanh toán cho chị M tổng số tiền 13.000.000 đồng ngày 04/05/2022 nên số tiền gốc còn lại là 583.388.000 đồng do đó số tiền lãi là $(583.388.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) : 12 = 14.584.700 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/06/2022 đến ngày 30/06/2022: Anh T đã thanh toán cho chị M tổng số tiền 27.000.000 đồng (từ ngày 04/06/2022 đến ngày 16/06/2022) nên số tiền gốc còn lại là 556.388.000 đồng do đó số tiền lãi là $(556.388.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) : 12 = 13.909.700 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/07/2022 đến ngày 31/07/2022: Anh T đã thanh toán cho chị M số tiền 14.000.000 đồng vào ngày 02/07/2022 và ngày 23/07/2022 nên số tiền gốc còn lại là 542.388.000 đồng do đó số tiền lãi là $(542.388.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) : 12 = 13.559.700 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/08/2022 đến ngày 31/08/2022: Anh T đã thanh toán cho chị M số tiền 7.000.000 đồng vào ngày 15/08/2022 đến 23/08/2022 nên số tiền gốc còn lại là 535.388.000 đồng do đó số tiền lãi là $(535.388.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) : 12 = 13.384.700 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/09/2022 đến ngày 30/09/2022: Anh T đã thanh toán cho chị M số tiền 30.500.000 đồng từ ngày 01/09/2022 đến 26/09/2022 nên số tiền gốc còn lại là 504.888.000 đồng do đó số tiền lãi là $(504.888.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) : 12 = 12.622.200 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/10/2022 đến ngày 31/10/2022: Anh T đã thanh toán cho chị M số tiền 5.500.000 đồng vào ngày 10/10/2022 và 29/10/2022 nên số tiền gốc còn lại là 499.388.000 đồng do đó số tiền lãi là $(499.388.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) : 12 = 12.484.700 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 1/11/2022 đến ngày 31/11/2022: Anh T đã thanh toán cho chị M số tiền 16.300.000 đồng (từ ngày 03/11/2022 đến 23/11/2022 nên số tiền gốc còn lại là 483.088.000 đồng do đó số tiền lãi là $(483.088.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) : 12 = 12.070.200 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 1/12/2022 đến ngày 31/12/2022: Anh T đã thanh toán cho chị M tổng số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 07/12/2022 nên số tiền gốc còn lại là 473.088.000 đồng do đó số tiền lãi là $(473.088.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) : 12 = 11.827.200 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/01/2023: Anh T đã thanh toán cho chị M số tiền gốc 297.824.306 đồng từ ngày 08/01/2023 đến ngày 27/01/2023 nên số tiền gốc còn lại là 175.263.694 đồng do đó số tiền lãi là $(175.263.694 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) : 12 = 4.381.592 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/02/2023 đến ngày 28/02/2023: Anh T đã thanh toán cho chị M số tiền gốc 7.000.000 đồng từ ngày 16/02/2023 và ngày 22/02/2023 nên số tiền gốc còn lại là 168.263.694 đồng do đó số tiền lãi là $(168.263.694 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) : 12 = 4.206.592 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/03/2023 đến ngày 31/03/2023: Anh T không thanh toán cho chị M nên số tiền gốc là 168.263.694 đồng do đó số tiền lãi là $(168.263.694 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) : 12 = 4.206.592 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/04/2023: Anh T đã thanh toán cho chị M số tiền 5.250.000 đồng (ngày 14/04/2023 đến ngày 24/04/2023) nên số tiền gốc còn lại là 163.013.694 đồng do đó số tiền lãi là $(163.013.694 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) : 12 = 4.075.342 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 01/05/2023 đến ngày 31/05/2023: Anh T đã thanh toán cho chị M số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 10/05/2023 nên số tiền gốc còn lại là 158.013.694 đồng do đó số tiền lãi là $(158.013.694 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) : 12 = 3.950.342 \text{ đồng}$

- Từ ngày 01/06/2023 đến ngày 23/09/2026 : Anh T không trả đồng nào tiền gốc do đó số tiền lãi là $(158.013.694 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 150\%) \times 1.210 \text{ ngày} = 157.147.865 \text{ đồng}$

Tổng số tiền lãi quá hạn là **390.212.827 đồng**

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi anh T phải trả cho chị M là **158.013.694 đồng + 148.066.667 đồng + 73.708.803 đồng + 390.212.827 đồng = 770.001.991 đồng.**

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, Nghị quyết 01/2019/NĐ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 11/01/2019

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị M đối với anh Phạm Văn T về việc: “Tranh chấp Hợp đồng cho vay tài sản”

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, xác định anh T còn nợ Mai theo Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 01/10/2020, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 23/09/2026, các khoản gồm: Nợ gốc: **158.013.694 đồng**; Nợ lãi trong hạn là: **148.066.667 đồng**; Nợ lãi chậm trả lãi: **73.708.803 đồng**; Nợ lãi quá hạn: **390.212.827 đồng**. Tổng cộng là **770.001.991 đồng**.

Buộc anh Phạm Văn T phải thanh toán trả cho chị Vũ Thị M tổng số tiền gốc và lãi là **770.001.991 đồng** (Bảy trăm bảy mươi triệu một nghìn chín trăm chín mươi mốt đồng)

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi trên số tiền phải thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền trên theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu **34.800.000 đồng** (Ba mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả chị Vũ Thị M số tiền **39.500.000 đồng** (Ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000957 ngày 17/07/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Hà Nội

Án xử công khai sơ các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP HN.
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội
- Phòng THADS khu vực 11 – Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Tự Hiếu